BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 39/2018/TT-BNNPTNT	*Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2018*

THÔNG TƯ

Hướng dẫn kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm muối nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa năm 2007;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa; Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa; Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm; Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 09/2016/NĐ-CP ngày 28/01/2016 của Chính phủ quy định về tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm;

Căn cứ Nghị định số 40/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về quản lý sản xuất, kinh doanh muối;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn,

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư hướng dẫn kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm muối nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về nội dung, thủ tục kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm muối nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước nhập khẩu muối (sau đây gọi chung là người nhập khẩu); các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm muối nhập khẩu.

Điều 2. Đối tượng kiểm tra

1. Kiểm tra chất lượng đối với muối công nghiệp nhập khẩu.

2. Kiểm tra an toàn thực phẩm đối với muối thực phẩm và muối tinh nhập khẩu.

3. Các trường hợp được miễn kiểm tra về chất lượng và kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm muối nhập khẩu:

a) Các trường hợp được miễn kiểm tra về chất lượng theo quy định tại điểm 7 khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa (Nghị định số 74/2018/NĐ-CP) và khoản 2 Điều 4 Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành (Nghị định số 154/2018/NĐ-CP).

b) Các trường hợp được miễn kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm (Nghị định số 15/2018/NĐ-CP).

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Muối (kể cả muối ăn và muối đã bị làm biến tính): là hợp chất, có thành phần chính là Natri Clorua (công thức hóa học: NaCl), được sản xuất từ nước biển, nước mặn ngầm hoặc khai thác từ mỏ muối.

2. Muối thực phẩm (muối ăn): là muối được bổ sung tăng cường vi chất i-ốt dùng để ăn trực tiếp và dùng trong chế biến thực phẩm, có hàm lượng các chất theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 9-1:2011/BYT.

3. Muối tinh: là muối đã được chế biến, có hàm lượng các chất theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9639:2013 và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 8-2:2011/BYT.

4. Muối công nghiệp: là muối có hàm lượng các chất theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9640:2013 hoặc quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về muối công nghiệp.

5. Lô hàng muối nhập khẩu: là tập hợp một chủng loại muối được xác định về số lượng, có cùng tên gọi, công dụng, nhãn hiệu, kiểu loại, đặc tính kỹ thuật, của cùng một cơ sở sản xuất và thuộc cùng một bộ hồ sơ nhập khẩu.

Điều 4. Cơ quan kiểm tra

Cơ quan kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu và cơ quan kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm muối nhập khẩu là Chi cục thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 5. Căn cứ kiểm tra

1. Kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu:

Kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, tổ chức giám định đã đăng ký hoặc được thừa nhận theo quy định của pháp luật đối với lô hàng muối nhập khẩu của người nhập khẩu phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9640-2013 muối (natri clorua) công nghiệp hoặc quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với muối (natri clorua) công nghiệp theo quy định tại tiết b điểm 2 khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP.

2. Kiểm tra an toàn thực phẩm muối nhập khẩu:

Bản tự công bố sản phẩm theo quy định tại Điều 4, Điều 5 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP và khoản 1 Điều 3 Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP:

a) Đối với nhập khẩu muối thực phẩm (muối ăn): Bản tự công bố sản phẩm phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 9-1: 2011/BYT của Bộ Y tế đối với muối i-ốt.

b) Đối với nhập khẩu muối tinh: Bản tự công bố sản phẩm phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9639-2013 muối (natri clorua) tinh và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 8-2:2011/BYT đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

Điều 6. Kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu

1. Người nhập khẩu thực hiện đăng ký kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu với cơ quan kiểm tra tại địa phương nơi kho, bãi lưu giữ lô hàng muối nhập khẩu.

2. Hồ sơ đăng ký kiểm tra; trình tự, thủ tục kiểm tra; xử lý kết quả kiểm tra lô hàng muối nhập khẩu không đạt yêu cầu chất lượng; áp dụng biện pháp miễn kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu; trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan kiểm tra; quyền và nghĩa vụ của người nhập khẩu thực hiện theo quy định tại điểm 2b khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP; Điều 13 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa (Nghị định số 132/2008/NĐ-CP) và khoản 5 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP; khoản 3 Điều 4 Nghị định số 154/2018/NĐ-CP; Điều 13 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP; Điều 12 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP và khoản 4 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP; Điều 13a Nghị định số 132/2008/NĐ-CP được bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP.

Điều 7. Kiểm tra an toàn thực phẩm muối nhập khẩu

1. Người nhập khẩu thực hiện đăng ký kiểm tra an toàn thực phẩm muối nhập khẩu với cơ quan kiểm tra tại địa phương cửa khẩu nhập lô hàng muối nhập khẩu.

Trường hợp áp dụng phương thức kiểm tra chặt, cơ quan kiểm tra thống nhất với người nhập khẩu thời gian lấy mẫu kiểm tra. Người nhập khẩu thông báo với cơ quan Hải quan cửa khẩu thời gian, địa điểm để chứng kiến việc lấy mẫu.

2. Hồ sơ đăng ký kiểm tra; trình tự, thủ tục kiểm tra; xử lý kết quả kiểm tra lô hàng muối nhập khẩu không đạt yêu cầu chất lượng; áp dụng phương thức kiểm tra; trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan kiểm tra; quyền và nghĩa vụ của người nhập khẩu thực hiện theo quy định tại Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 17, Điều 15 và Điều 21 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.

3. Lấy mẫu kiểm tra và lưu mẫu thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 1 Thông tư số 12/2017/TT-BKHCN ngày 28/9/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2012/TT- BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường. Mẫu muối được đựng trong hộp hoặc chai nhựa kín có dán niêm phong của cơ quan kiểm tra. Cơ quan kiểm tra lấy mẫu, lập biên bản lấy mẫu muối nhập khẩu có sự chứng kiến của đại diện người nhập khẩu và đại diện cơ quan Hải quan cửa khẩu.

Điều 8. Tổ chức đánh giá sự phù hợp và kiểm nghiệm muối nhập khẩu

1. Tổ chức đánh giá sự phù hợp chất lượng muối nhập khẩu là tổ chức đánh giá sự phù hợp đã đăng ký hoạt động theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh đánh giá sự phù hợp.

2. Kiểm nghiệm an toàn thực phẩm muối nhập khẩu là phòng kiểm nghiệm được Bộ Khoa học và Công nghệ (Văn phòng Công nhận chất lượng) công nhận phòng thử nghiệm VILAS lĩnh vực hóa có đối tượng thử là muối natri clorua và các chỉ tiêu an toàn thực phẩm hoặc phòng kiểm nghiệm được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ định theo quy định tại Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT ngày 01/8/2013 của Bộ Y tế, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định điều kiện, trình tự thủ tục chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước.

3. Danh sách tổ chức đánh giá sự phù hợp và phòng kiểm nghiệm an toàn thực phẩm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được cập nhật, đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ (www.boa.gov.vn) hoặc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (www.mard.gov.vn).

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn:

a) Chỉ đạo việc kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm đối với muối nhập khẩu; hướng dẫn, kiểm tra công tác kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm muối nhập khẩu các cơ quan kiểm tra ở địa phương theo quy định tại Thông tư này; cập nhật, đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn danh sách cơ quan kiểm tra quy định tại Điều 4 Thông tư này, danh sách tổ chức đánh giá sự phù hợp và phòng kiểm nghiệm an toàn thực phẩm được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ định.

b) Tổng hợp báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kết quả kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm muối nhập khẩu.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Chỉ đạo, giao nhiệm vụ cho Chi cục thuộc Sở thực hiện việc kiểm tra đối với hàng hóa muối nhập khẩu của người nhập khẩu trên địa bàn quản lý theo quy định của Thông tư này; báo cáo Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn để lập danh sách các cơ quan kiểm tra;

b) Xử lý theo thẩm quyền các trường hợp muối nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu chất lượng, an toàn thực phẩm (nếu có) theo quy định của pháp luật;

c) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xử lý muối nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu chất lượng, an toàn thực phẩm (nếu có) trong trường hợp vượt thẩm quyền.

Điều 10. Điều khoản chuyển tiếp

Các chỉ tiêu chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9640-2013 muối (natri clorua) công nghiệp áp dụng đến khi quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với muối (natri clorua) công nghiệp có hiệu lực.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09 tháng 02 năm 2019 và thay thế Thông tư số 27/2017/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm muối nhập khẩu.

2. Trường hợp các tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng thực hiện theo quy định mới tại các tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và các văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Thanh Nam